

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2025

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 28/TTr-SKHCN ngày 09/4/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2025 với các nội dung như sau:

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo;

- Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”;

- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định (Khóa XX) về Chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 18/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Văn bản số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

- Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 07/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

- Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số;

- Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng Kho dữ liệu số thông minh tỉnh Bình Định;

- Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 17/02/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Thông báo số 116/TB-UBND ngày 24/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phạm Anh Tuấn tại cuộc họp nghe Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo các nhiệm vụ trọng tâm của ngành năm 2025;

- Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 01/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai nền tảng công nghệ Signet trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 12/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2025 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban chỉ đạo.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Hạ tầng số

- 100% thôn, làng đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động 4G; phân đầu số trạm 5G bằng 50% số trạm 4G hiện có; đảm bảo các hộ gia đình có khả năng tiếp cận truy nhập Internet cố định, tốc độ trung bình 01 Gb/s.

- 100% các hệ thống thông tin phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Chính quyền số

- Phần đầu đạt 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; 80% hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình; 100% thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả; 100% thủ tục hành chính không bị giới hạn bởi địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

- Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) của các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%.

- Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử: 70%.

3. Kinh tế số, xã hội số

- Kinh tế số chiếm 15% GRDP của tỉnh.

- Mỗi người dân có 01 định danh số.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 70% trở lên.

- 90% người dân có tài khoản thanh toán số tại các ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%.
- 80% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.
- 100% học sinh trung học và sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tập trung triển khai các giải pháp đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao đến năm 2025 tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh (02 chỉ tiêu), Sở Khoa học và Công nghệ (04 chỉ tiêu), Sở Nội vụ (02 chỉ tiêu), Sở Tài chính (02 chỉ tiêu), Thanh tra tỉnh (01 chỉ tiêu), Tỉnh đoàn Bình Định (01 chỉ tiêu).
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; địa phương.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

2. Rà soát, hoàn thiện chính sách chuyển đổi số

2.1. Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành các văn bản quy định thúc đẩy chuyển đổi số, như: Khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; Quy chế quản lý, vận hành, kết nối và ứng dụng, dịch vụ dùng chung trên mạng truyền số liệu chuyên dùng; Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong cơ quan nhà nước; Kiến trúc chính quyền số tỉnh Bình Định (phiên bản 4.0).

- Cơ quan chủ trì: Các Sở, ban, ngành.
- Thời hạn hoàn thành: Quý II/2025.

2.2. Xây dựng, triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tập trung.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, địa phương
- Thời hạn hoàn thành: Quý II/2025.

3. Phát triển hạ tầng số

3.1. Phát triển, nâng cấp, mở rộng hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh, Trung tâm IOC tỉnh, bảo đảm năng lực cung cấp, khai thác hiệu quả thông tin. Ưu tiên thiết lập, vận hành Trung tâm dữ liệu trên nền tảng điện toán đám mây.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

3.2. Phát triển phủ sóng băng rộng di động, đảm bảo 100% các thôn, làng đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng 4G, với tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 40Mbps. Phủ sóng 5G, phân đầu số trạm 5G bằng 50% số trạm 4G hiện có trên địa bàn.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các doanh nghiệp thông tin di động.
- Thời hạn hoàn thành: Quý II/2025.

3.3. Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

3.4. Tiếp tục triển khai cấp chữ ký số cho người dân, doanh nghiệp để thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa (như sổ sức khỏe điện tử, học bạ số...).

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Tỉnh đoàn Bình Định; Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

4. Nhân lực số

4.1. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”. Triển khai “Ngày hội toàn dân học tập số” (ngày Chuyển đổi số quốc gia – ngày 10/10). Tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ, Tỉnh đoàn.
- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị có liên quan.
- Thời hạn hoàn thành: Quý II, III/2025.

4.2. Tham mưu triển khai thực hiện chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, địa phương.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

4.3. Xây dựng kế hoạch xây dựng Trung tâm chuyên sâu về chuyển đổi số,

là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho công chức, viên chức toàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Quy Nhơn.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

5. Xây dựng, phát triển các nền tảng, hệ thống, cơ sở dữ liệu, ứng dụng dịch vụ số, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp

5.1. Triển khai nền tảng SIGNET cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành; địa phương.
- Thời hạn hoàn thành: Quý II/2025.

5.2. Xây dựng nền tảng Kho dữ liệu số thông minh giai đoạn I.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành; địa phương.
- Thời hạn hoàn thành: Quý III/2025.

5.3. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đất đai.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục Thuế khu vực XIII; địa phương.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

5.4. Xây dựng nền tảng bản đồ số dùng chung.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

5.5. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đầu tư công và quản lý đầu tư vốn ngoài ngân sách.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời hạn hoàn thành: Quý III/2025.

5.6. Triển khai xây dựng Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tập trung.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan.
- Thời hạn hoàn thành: Tháng 06/2025.

5.7. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; địa phương.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

5.8. Triển khai Hệ thống theo dõi chỉ đạo, điều hành, tích hợp với Hệ thống Văn phòng điện tử của tỉnh và Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; địa phương.
- Thời hạn hoàn thành: Quý III năm 2025.

5.9. Xây dựng, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước các cấp; trong đó tập trung phát triển các cơ sở dữ liệu về: đất đai, xây dựng, tài chính, y tế, giáo dục, tư pháp, doanh nghiệp, giao thông vận tải, nông nghiệp... kết nối vào Kho dữ liệu số thông minh của tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu các cơ sở dữ liệu quốc gia để khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu, phục vụ công tác quản lý điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành; địa phương.
- Cơ quan phối hợp, hướng dẫn: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

5.10. Triển khai các mô hình thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 4466/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành.
- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

6. Công nghiệp công nghệ thông tin

6.1. Xây dựng và triển khai Đề án thành lập Khu công nghệ số tập trung Bình Định

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

6.2. Triển khai Đề án Phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

6.3. Phối hợp, hỗ trợ Tập đoàn FPT triển khai các dự án tại Khu Công viên Phần mềm Quang Trung và Trung tâm AI - Đô thị phụ trợ Long Vân.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

7. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

7.1. Hoàn thành phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Cơ quan chủ trì: Các Sở, ban, ngành; địa phương.
- Cơ quan phối hợp, hướng dẫn: Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời hạn hoàn thành: Quý II/2025.

7.2. Triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”.

- Cơ quan chủ trì: Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.
- Cơ quan phối hợp, hướng dẫn: Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

8. Phát triển kinh tế số và xã hội số

8.1. Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực: thương mại bán buôn, bán lẻ; nông nghiệp; dịch vụ du lịch, lưu trú, vui chơi, giải trí; công nghiệp chế biến, chế tạo; vận tải, kho bãi, logistics

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

8.2. Tổ chức hội nghị, hội thảo hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh.

- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

8.3. Xây dựng học liệu điện tử E-learning hỗ trợ tổng hợp tài liệu học tập và khóa học trực tuyến trong lĩnh vực STEM, đặc biệt là robotics.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025.

8.4. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin các cơ sở y tế, phục vụ thực hiện triển khai Bệnh án điện tử tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2025-2026.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức số

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của xây dựng, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện nhiều hình thức, giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động chuyển đổi số của tỉnh; nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện thuận tiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ số; tuyên truyền cho người dân thường xuyên sử dụng điện thoại thông minh để có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với xây dựng chính quyền số; rà soát, điều chỉnh các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Phối hợp với các doanh nghiệp, các trường đại học đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh về kỹ năng số, các nội dung theo Khung chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tăng cường nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, ứng dụng các công nghệ mới.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và công nghệ thông tin để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

- Tăng cường công tác phối hợp các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn và huy động các nguồn lực xã hội hóa để triển khai công tác hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo mua điện thoại thông minh, phổ cập dịch vụ viễn thông, internet và phát triển hạ tầng tại các khu vực khó khăn. Phân đấu mỗi hộ gia đình có một thiết bị thông minh, mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.
- Ưu tiên bố trí đầu tư để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng dịch vụ số của tỉnh.
- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động hợp tác quốc tế về chuyển đổi số; tổ chức hội thảo, xây dựng chương trình hợp tác, huy động nguồn lực, đào tạo cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số, học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ số, nhất là với các đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và có chương trình ký kết, thỏa thuận hợp tác với tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

V. LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục danh mục các nhiệm vụ, dự án năm 2025 kèm theo.

2. Nguồn vốn thực hiện

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước theo Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;
- Nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định về kết quả triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện.

- Tham mưu tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch; đánh giá và đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của Nhà nước.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các địa phương

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể để triển khai tại đơn vị, địa phương mình; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đúng mục tiêu và tiến độ đề ra.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Khoa học và Công nghệ định kỳ 6 tháng, năm (*báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15/6 và báo cáo năm gửi trước ngày 30/11*) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- BCĐ CCHC, CDS và Đề án 06 tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Tỉnh đoàn Bình Định;
- Trường Đại học Quy Nhơn;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP UBND tỉnh, CV;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Các phòng: CC&KSTTHC, HCQT;
- Lưu: VT, K8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC

Danh mục các nhiệm vụ, dự án năm 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
I	Thế chế số			
1	Rà soát, cập nhập, sửa đổi, xây dựng ban hành các văn bản quy định thúc đẩy chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương	Quý II/2025
2	Xây dựng, triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tập trung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Quý II/2025
II	Hạ tầng số (Hạ tầng viễn thông và Internet; Hạ tầng dữ liệu; Hạ tầng vật lý - số; Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số)			
1	Phát triển phủ sóng băng rộng di động, đảm bảo 100% các thôn, làng đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng 4G. Triển khai phủ sóng 5G, phân đầu số trạm 5G bằng 50% số trạm 4G hiện có trên địa bàn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các địa phương; các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2025
2	Triển khai hạ tầng điện toán đám mây tập trung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương	Năm 2025
3	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2025
4	Duy trì, nâng cấp, mở rộng hạ tầng tại Trung tâm dữ liệu và Trung tâm IOC tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương.	Năm 2025

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
5	Triển khai hướng dẫn và cấp chữ ký số cho người dân, doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Sở Khoa học và Công nghệ; Tỉnh đoàn Bình Định	Các cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng	Năm 2025
6	Trang thiết bị cho các thành viên Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Năm 2025
III	Nhân lực số			
1	Triển khai “Ngày hội toàn dân học tập số” (ngày Chuyển đổi số quốc gia - ngày 10/10). Tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng	Sở Khoa học và Công nghệ; Tỉnh đoàn Bình Định	Các đơn vị có liên quan	Quý II, III/2025
2	Tham mưu chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; địa phương.	Năm 2025
3	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về: Kiến trúc chính quyền số 4.0; dữ liệu, phân tích dữ liệu; trợ lý ảo, sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định; về ATTT; kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp để khai thác sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số do chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Tỉnh đoàn Bình Định; Trường Đại học Quy Nhơn	Các địa phương	Năm 2025
4	Triển khai xây dựng Trung tâm chuyên sâu về chuyển đổi số (cơ sở đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho công chức, viên chức toàn tỉnh)	Trường Đại học Quy Nhơn	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài chính	Năm 2025

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
5	Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số"	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo	Các tổ chức, đơn vị có liên quan	Năm 2025
IV	Xây dựng, phát triển các nền tảng, hệ thống, cơ sở dữ liệu, ứng dụng dịch vụ số, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp			
1	Triển khai nền tảng Signet trong các cơ quan nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương.	Năm 2025
2	Nền tảng Kho dữ liệu số thông minh giai đoạn I	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương.	Quý III/2025
3	Hệ thống quản lý thông tin đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; địa phương.	Năm 2025
4	Nền tảng bản đồ số dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương.	Năm 2025
5	Hệ thống thông tin quản lý đầu tư công và quản lý đầu tư vốn ngoài ngân sách	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; địa phương.	Quý II, III/2025
6	Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước (giai đoạn I)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025
7	Hệ thống theo dõi chỉ đạo, điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025
8	Triển khai phát triển, nâng cấp, mở rộng các hệ thống ứng dụng, dịch vụ số; số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành			

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
8.1	Hệ thống phòng họp không giấy; Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống tiếp nhận, xử lý và theo dõi đơn thư; mở rộng triển khai dịch vụ công trực tuyến trên điện thoại thông minh	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành; địa phương.	Năm 2025
8.2	Phần mềm quản lý lưu trú trực tuyến. Phần mềm văn phòng điện tử cho các hội, đoàn thể	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2025
8.3	Phần mềm quản lý thi tuyển sinh vào lớp 10	Sở Giáo dục và Đào tạo		Năm 2025
8.4	Xây dựng kho dữ liệu số, bài giảng điện tử	Sở Giáo dục và Đào tạo		Năm 2025
8.5	Mô hình thông tin công trình (BIM)	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, tổ chức liên quan	Năm 2025
8.6	Hệ thống thông tin các đề án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu	Sở Xây dựng		Năm 2025
8.7	Phần mềm quản lý CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2025
8.8	Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp (lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, thủy lợi)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Năm 2025
8.9	Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương	Năm 2025
8.10	Phát triển số hóa công tác bảo tồn và phát huy văn hóa truyền (giai đoạn II)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
8.11	Số hóa tài liệu của các cơ quan, tổ chức cấp huyện trước khi kết thúc hoạt động và cấp xã trước khi được tổ chức lại	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan	Năm 2025
9	Triển khai các mô hình thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 4466/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Công an tỉnh	Năm 2025
V	An toàn thông tin mạng			
1	Triển khai hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Các sở, ban, ngành; địa phương	Công an tỉnh	Năm 2025
2	Duy trì, nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng tại Trung tâm dữ liệu tỉnh theo mô hình 4 lớp	Sở Khoa học và Công nghệ		Năm 2025
3	Tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng hệ thống Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương	Năm 2025
VI	Kinh tế số, Xã hội số			
1	Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực: thương mại điện tử; nông nghiệp; văn hóa, du lịch, logistics; công nghiệp sản xuất, chế tạo	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Năm 2025

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
2	Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh	Năm 2025
3	Xây dựng học liệu điện tử E-learning hỗ trợ tổng hợp tài liệu học tập và khóa học trực tuyến trong lĩnh vực STEM, đặc biệt là robotics	Sở Giáo dục và Đào tạo		Quý III/2025
4	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ triển khai thực hiện Bệnh án điện tử tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2025-2026
5	Xây dựng Kế hoạch và triển khai Đề án Phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương.	Năm 2025